

Mẫu nhãn hộp 20 gói thuốc bột : **Oremute 2/200 ml**
Kích thước : 60 x 65 x 85 mm
Màu sắc : như mẫu



lưu ý: uống đủ nước và dùng bột ngay

Oremute 2/200 ml

Powder for oral rehydration solution

20 sachets x 4,127 g powder



Oremute 2/200 ml

Powder for oral rehydration solution

Composition

Each sachet in 200 ml of solution:

Glucose	75 mEq/l
Sodium	75 mEq/l
Chloride	65 mEq/l
Potassium	20 mEq/l
Citrate	10 mEq/l
Zinc	2 mg
(equivalent to Zinc gluconate)	14 mg
Coconut flavor powder	0.5 g

Indications, Contraindications, Dosage and Administration, Interactions, Side effects and other presentations: Read carefully the enclosed leaflet.

Store in a dry place, below 30°C.

Manufacturer's specification.

KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN

READ CAREFULLY THE DIRECTIONS BEFORE USE!

HASAN - DERMAPHARM JONT KENTINE CO., LTD.

Lot 8, Road No. 2, Dong An Industrial Park, Binh Duong Province, Vietnam

Oremute 2/200 ml

Thuốc bột uống bù nước và điện giải

Mỗi 20 gói x 4,127 g thuốc bột



Số lô SX - Batch No.:
NSX - Mfg. Date:
HD - Exp. Date:



849360611370498



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: *Giàn Đình Hoàng*

Mẫu nhãn hộp 50 gói thuốc bột : **Oremute 2/200 ml**
Kích thước : 145 x 85 x 65 mm
Màu sắc : như mẫu



TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: *Giàn Đình Trường*

TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐS: Trần Đình Hùng



Mẫu nhãn gói : **Oremute 2/200 ml**

Kích thước : 60 x 80 mm

Màu sắc : như mẫu

fe

Oremute 2/200 ml

Thuốc bột uống bù nước và điện giải

Gói 4,127 g bột thuốc

HASAN

Thuốc bột uống bù nước và điện giải

Oremute 2/200 ml

Thành phần
Cho 1 gói pha 200 ml dung dịch:

Glucose	75 mEq/l
Natri	75 mEq/l
Clorid	65 mEq/l
Kali	20 mEq/l
Citrat	10 mEq/l
Kẽm	2 mg
(tương đương Kẽm gluconat	14 mg)
Bột hương dứa	vd 1 gói

Chỉ định, Chống chỉ định, Liều dùng, Cách dùng, Tương tác, Tác dụng phụ, Thận trọng: Xin đọc hướng dẫn sử dụng.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C.
Tiêu chuẩn cơ sở.

ĐỂ XA TAY TRẺ EM
BỌC KÝ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG!

CTY TNHH LIÊN DOANH HASAN - DERMAPHARM
Lô B, Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam.

Số SX - HD:

9-L-D
HAN
DUONG

140 x 200 mm



Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng



Thuốc bột uống bù nước và điện giải

Thành phần

Cho 1 gói pha 200 ml dung dịch:

Glucose	75 mEq/l
Natri	75 mEq/l
Clorid	65 mEq/l
Kali	20 mEq/l
Citrat	10 mEq/l
Kẽm	2 mg
(tương đương Kẽm gluconat	14 mg)
Bột hương dứa	vđ 1 gói

Dược lực học

- Đối với người bệnh bị tiêu chảy, chỉ định đầu tiên và quan trọng nhất là bù nước và các chất điện giải. Nước và các chất điện giải bị mất do tiêu chảy có thể được bù lại bằng cách uống dung dịch có chứa natri, kali và glucose.
- Duy trì hệ thống đồng vận chuyển glucose - natri trong niêm mạc ruột non là cơ sở của điều trị bù nước và điện giải dạng uống. Glucose được hấp thu tích cực ở ruột bình thường và kéo theo natri được hấp thu theo tỉ lệ khoảng cân bằng phân tử. Bên cạnh đó, bù kali trong tiêu chảy cấp đặc biệt quan trọng ở trẻ em, vì trẻ mất kali trong phân cao hơn người lớn. Clorid và citrat được thêm vào nhằm khắc phục nhiễm toan chuyển hóa do mất nước.
- Kẽm rất quan trọng cho hệ thống miễn dịch của trẻ, giúp rút ngắn thời gian, mức độ trầm trọng của tiêu chảy và ngăn chặn những đợt tiêu chảy mới trong vòng 2-3 tháng sau khi điều trị. Kẽm còn giúp cải thiện sự ngon miệng và tăng trưởng.

Dược động học

Thuốc được hấp thu tốt từ đường tiêu hóa.

Chỉ định

- Bổ sung kẽm giúp chống phục hồi, tăng cường sức khỏe, giảm nguy cơ mắc đợt tiêu chảy mới trong những tháng tiếp sau.
- Phòng và điều trị mất chất điện giải và nước trong tiêu chảy cấp từ nhẹ đến trung bình.

Liều lượng và cách dùng

- Hoà tan cả gói vào trong 200 ml nước đun sôi để nguội và dùng theo chỉ dẫn của bác sĩ hoặc uống để bổ sung kẽm, phòng mất nước và chất điện giải sau mỗi lần đi ngoài.
- Điều trị phòng mất nước (điều trị tiêu chảy tại nhà) và bổ sung kẽm:

Tuổi	Sau mỗi lần đi ngoài	Lượng tối đa dùng tại nhà
≤ 24 tháng tuổi	50 – 100 ml	500 ml/ngày
2 - 10 tuổi	100 – 200 ml	1000 ml/ngày
≥ 10 tuổi	Tuỳ theo nhu cầu	2000 ml/ngày

- Bù nước:
+ Mất nước nhẹ: bắt đầu cho uống 50 ml/kg, trong 4 – 6 giờ.
+ Mất nước vừa phải: bắt đầu cho uống 100 ml/kg, trong 4 – 6 giờ.
Sau đó điều chỉnh liều lượng và thời gian dùng thuốc tùy theo mức độ khát và đáp ứng với điều trị.
- Duy trì nước:
+ Tiêu chảy liên tục nhẹ: uống 100 – 200 ml/kg/24 giờ, cho đến khi hết tiêu chảy.
+ Tiêu chảy liên tục nặng: uống 15 ml/kg/giờ, cho đến khi hết tiêu chảy.
Trong giai đoạn đầu, liều giới hạn kê đơn cho người lớn tối đa 750 ml/giờ, trẻ em tối đa 20 ml/kg/giờ.
Liều uống trong 4 giờ đầu, trong điều trị mất nước ở trẻ em bị tiêu chảy như sau:

Tuổi	< 4 tháng	4 – 11 tháng	12 – 23 tháng	2 – 4 tuổi	5 – 14 tuổi	≥ 15 tuổi
Cân nặng (kg)	< 5	5,0 – 7,9	8,0 – 10,9	11,0 – 15,9	16,0 – 29,9	≥ 30
Oremute 2/200 ml (ml)	200–400	400–600	600–800	800–1200	1200–2000	2000 (*)

(*) Nên dùng thêm dung dịch bù chất điện giải và nước không có kẽm (200 – 2000 ml) để đảm bảo bổ sung đầy đủ chất điện giải và nước, đồng thời tránh quá liều kẽm.

Lưu ý:

- Trẻ em < 6 tháng tuổi: không quá 5 gói/ngày (tương ứng với 10 mg kẽm/ngày).
- Trẻ em > 6 tháng tuổi và người lớn: không quá 10 gói/ngày (tương ứng với 20 mg kẽm/ngày).
- Với trẻ nhỏ cần cho uống từng ít một, uống chậm

Để thuốc xa tầm tay của trẻ em

140 x 200 mm

Hướng dẫn sử dụng thuốc

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng

và nhiều lần, uống liên tục cho đến hết liều đã qui định.

- Không nên cho uống một lúc quá nhiều, sẽ gây nôn.
- Nếu chưa hết 24 giờ, bệnh nhân đã uống hết liều qui định thì nên cho uống thêm nước cháo, súp, nước chín để tránh tăng natri huyết và đỡ khát.
- Dung dịch Oremute 2/200 ml đã pha theo hướng dẫn không được pha loãng thêm với nước vì pha loãng làm giảm tính hấp thu của hệ thống đồng vận chuyển glucose – natri.
- Dung dịch đã pha chỉ dùng trong 24 giờ.
- Trường hợp bị mất chất điện giải và nước nặng, có thể dùng kèm với dung dịch bù chất điện giải và nước (không có kềm) để đảm bảo bổ sung đầy đủ chất điện giải và nước, đồng thời tránh quá liều kềm.

Chống chỉ định

- Vô niệu hoặc giảm niệu.
- Mất nước nặng kèm triệu chứng sốc.
- Tiêu chảy nặng (khi tiêu chảy vượt quá 30ml/kg thể trọng mỗi giờ).
- Nôn nhiều và kéo dài.
- Tắc ruột, liệt ruột, thủng ruột.

Thận trọng

- Người bệnh bị suy tim xung huyết, phù hoặc tình trạng giữ natri.
- Người bệnh suy thận nặng hoặc xơ gan.
- Trong quá trình điều trị, cần theo dõi cẩn thận nồng độ các chất điện giải và cân bằng acid-base.
- Cần cho trẻ bú mẹ hoặc cho uống nước giữa các lần uống dung dịch bù nước và điện giải để tránh tăng natri huyết.

Tác dụng không mong muốn

- Chưa có nhiều thông báo về các phản ứng có hại xảy ra khi dùng thuốc uống bù nước và điện giải.
- Thường chỉ gặp nôn nhẹ, rất ít khi gặp tăng natri huyết, bù nước quá mức (mì mắt nặng).

Tương tác thuốc và các dạng tương tác khác

Tránh dùng thức ăn hoặc dịch khác chứa các chất điện giải như nước quả hoặc thức ăn có muối cho đến khi ngừng điều trị, để tránh dùng quá nhiều chất điện giải hoặc tránh tiêu chảy do thẩm thấu.

Quá liều và cách xử trí

- Tăng natri – huyết: hoa mắt, chóng mặt, tim đập

nhịp, tăng huyết áp, cầu gắt, sốt cao,... khi uống Oremute 2/200 ml pha đậm đặc.

Điều trị tăng natri huyết: truyền tĩnh mạch chậm dịch nhược trương và cho uống nước.

- Triệu chứng thừa nước: mí mắt húp nặng, phù toàn thân, suy tim.

Điều trị thừa nước: ngừng uống dung dịch bù nước và điện giải, dùng thuốc lợi tiểu nếu cần.

- Độc tính cấp của kềm xảy ra sau khi uống 1 liều > 40 mg kềm/ngày: buồn nôn, nôn mửa, sốt, suy hô hấp. Dùng liều lớn trong thời gian dài làm suy giảm chức năng miễn dịch và thiếu máu. Các triệu chứng hạ huyết áp (chóng mặt, ngất xỉu), bệnh vàng da (vàng mắt hay da), phù phổi (đau ngực hay khó thở), ăn mòn và viêm màng nhầy miệng và dạ dày, loét dạ dày cũng đã được báo cáo.

Điều trị quá liều kềm: tránh dùng các chất gây nôn hoặc rửa dạ dày. Nên sử dụng chất làm dịu triệu chứng viêm như sữa, các chất carbonat kiềm, than hoạt và các chất tạo phức chelat.

Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú
Không ảnh hưởng.

Tác dụng của thuốc khi lái xe, vận hành máy móc
Không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Trình bày

Hộp 10 gói, 20 gói, 30 gói, 50 gói, gói 4,127 g thuốc bột. Gói nhôm.

Bảo quản: Nơi khô, dưới 30°C.

Tiêu chuẩn áp dụng: Tiêu chuẩn cơ sở.

Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Lưu ý

Không dùng thuốc quá liều chỉ định.

Không dùng thuốc quá hạn dùng trên bao bì.

Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.

Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc.



CTY TNHH LIÊN DOANH HASAN - DERMAPHARM
Lô B, Đường số 2, KCN Đồng An, Bình Dương, Việt Nam

PHÓ CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Việt Hùng

Để thuốc xa tầm tay của trẻ em